|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH SÓC TRĂNG**Số: /HD-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc***Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022* |
|

**HƯỚNG DẪN**

**DỰ THẢO**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Công văn số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện nội dung về trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định 1719/QĐ-TTg;

Căn cứ Công văn số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

Căn cứ Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 4438/BTTTT-KHTC ngày 27/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc CTMTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam về hướng dẫn triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 09/7/2021 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư công còn lại năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

QUY ĐỊNH CHUNG

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Hướng dẫn này áp dụng thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**2. Đối tượng áp dụng**

Hướng dẫn này áp dụng đối với ấp, khóm, xã, thị trấn, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS); hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBKK); doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX), liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn các xã, thôn ĐBKK và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

**3. Nguyên tắc thực hiện**

**3.1.** Tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; các quy định của trung ương và các văn bản có liên quan hướng dẫn thực hiện Chương trình.

**3.2.** Công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức theo quy định, không chồng chéo, phát huy tinh thần vươn lên của người dân và cộng đồng. Đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình bình xét đối tượng và triển khai các nội dung hỗ trợ của dự án. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

**3.3.** Triển khai ưu tiên cho địa bàn xã khu vực III, ấp, khóm đặc biệt khó khăn phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; tập trung đầu tư các công trình giao có tác động, tạo động lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường dân tộc nội trú cho các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn quốc gia; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn khó khăn.

**3.4.** Đa dạng hóa và lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà nước, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan. Bố trí nguồn lực thực hiện hỗ trợ, đầu tư đồng bộ để đạt mục tiêu của Chương trình đề ra.

**3.5.** Tập trung triển khai các dự án đầu tư có trọng tâm, quan trọng sớm đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; không phê duyệt và triển khai các dự án đầu tư mang tính dàn trải, manh mún, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Phần thứ hai

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**I. DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

**1. Phạm vi**: Triển khai thực hiện trên địa bàn các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) và các ấp, khóm (sau đây gọi chung là ấp) vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**2. Ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng thụ hưởng chính sách theo thứ tự sau đây:**

a) Hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Hộ nghèo dân tộc thiểu số có phụ nữ làm chủ hộ;

c) Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật);

d) Hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn (vùng dân tộc thiểu số);

đ) Hộ nghèo có đông nhân khẩu;

e) Các hộ nghèo thuộc đối tượng thụ hưởng còn lại.

**3. Nội dung**

**3.1. Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở**

- Đối tượng: Áp dụng theo Điều 4 (trang 5), Mục 1, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-UBDT), Cụ thể:

+ Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là vùng đồng bào DTTS); hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là xã ĐBKK), ấp đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ấp ĐBKK) vùng đồng bào DTTS chưa có đất ở.

+ Không hỗ trợ đất ở đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất ở từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng.

**3.2. Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở**

**3.2.1 Đối tượng**

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng.

- Hộ được hỗ trợ đất ở thì được đồng thời xem xét hỗ trợ nhà ở.

**3.2.2. Quy trình thực hiện**

*a) Tổ chức phổ biến, bình xét đối tượng được hỗ trợ*

- Địa phương tổ chức phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030 đến các hộ dân; tổ chức rà soát, lập danh sách, bình xét, niêm yết công khai, thông báo qua báo đài, thẩm định,.... danh sách các hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở theo đúng quy định.

- Sau khi hoàn thành thực hiện rà soát danh sách số lượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách trên địa bàn xã, trình Ủy ban nhân huyện phê duyệt, sau đó báo cáo Ban Dân tộc tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phải điều chỉnh danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho Ban Dân tộc và Sở Xây dựng.

*b) Triển khai hỗ trợ xây dựng*

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, rà soát tổng hợp lại các hộ thuộc đối tượng được ưu tiên hỗ trợ theo quy định. Sau khi danh sách ưu tiên được phê duyệt theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành triển khai hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo.

- Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp các mẫu thiết kế kèm theo dự toán để người dân tham khảo, lựa chọn (Quyết định số 61/QĐ-SXD ngày 15/7/2022 của Sở Xây dựng). Tôn trọng nguyện vọng của người dân, không bắt buộc các hộ gia đình xây dựng nhà ở theo thiết kế mẫu. Tùy theo điều kiện cụ thể người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng theo quy định như sau:

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m2 với tiêu chí “3 cứng” (nền - móng cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên:

+ “Nền - móng cứng” là nền - móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng-cát, bê tông, bê tông cốt thép, xây gạch/đá, gạch lát, gỗ;

+ “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường. Tuỳ điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm gỗ bền chắc;

+ “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tuỳ điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói. Trường hợp lợp bằng tole giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, gỗ...) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc.

- Đề nghị các tổ chức đoàn thể: Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ gia đình nghèo xây dựng nhà ở. Cụ thể như sau:

+ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cấp bộ Đoàn tuyên truyền, phổ biến chính sách; tham gia vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà ở. Chỉ đạo các cấp bộ Đoàn địa phương tham gia xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tần tật).

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở.

*c) Quy trình*

+ Đối với nguồn vốn ngân sách hỗ trợ: Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công; cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng chế độ quy định. (chi tiết áp dụng theo hướng dẫn trong Cẩm nang số (http://112.213.86.233/camnangso/): Dự án 1/ chọn hoạt động cần tra cứu sau đó nhấn vào mũi tên gốc phải chọn nội dung Hỗ trợ nhà ở/ Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình/ Hướng dẫn quản lý thực hiện hoạt động/ Một số định mức/ Tại điểm 1.2. Thẩm định/phê duyệt và điểm 1.3. Đấu thầu/giao nhiệm vụ)

+ Đối với nguồn vốn vay: Hộ gia đình có nhu cầu vay vốn thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

+ Trong quá trình thực hiện triển khai xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định; có biện pháp phòng ngừa việc chuyển nhượng nhà ở trái quy định; lập báo cáo nhanh kết quả thực hiện *(theo mẫu số 02)* gửi về Sở Xây dựng trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Dân tộc.

**3.3. Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề**

**Đối tượng**: Áp dụng theo Điều 8 (trang 6-7), Mục 3, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT. Cụ thể:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bằng nghề nông chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được chính quyền địa phương xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống bàng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của từng địa phương, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Không hỗ trợ đất sản xuất đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất sản xuất từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng.

**3.4. Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt**

**Đối tượng**: Áp dụng theo Điều 10 (trang 8), Mục 4, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT. Cụ thể:

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn về nước sinh hoạt.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Khu vực đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thành cộng đồng (ấp, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số) chưa có nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, phù hợp xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung, địa bàn chưa được đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung thì được xem xét, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung. Trường hợp đã được hỗ trợ công trình nước sinh hoạt theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác nhưng hiện nay đã hư hỏng nặng, không sử dụng được thì được xem xét, đầu tư.

**4. Quy trình rà soát đối tượng; rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán**

Căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) giao Phòng Dân tộc hoặc phòng chức năng khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn (sau đây gọi chung là Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện) chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện: (1) Rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách và xác định đối tượng ưu tiên; (2) Rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách; (3) Thực hiện hỗ trợ. Cụ thểcác bước tiến hành như sau:

**a) Bước 1: Rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách và xác định đối tượng ưu tiên**

Căn cứ quy định về đối tượng, nội dung thực hiện Dự án 1; căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch và số vốn được giao hằng năm của từng xã; căn cứ kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của năm trước năm kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh).

**- Tại ấp, khóm (sau đây gọi chung là ấp):** Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát đối tượng trên địa bàn xã theo từng ấp. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các ấp có đối tượng tổ chức họp ấp, cụ thể như sau:

+ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Trưởng Ban nhân dân ấp tổ chức họp mời các hộ nghèo trong ấp để phổ biến các nội dung hỗ trợ của Dự án 1 theo quy định tại khoản 1, mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11, Mục 1, 2, 3 và 4 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 5,6, Mục 1 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan đến các hộ; tại buổi họp Trưởng Ban nhân dân ấp thông qua đơn các hộ gia đình xin đăng ký được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán.

+ Trên cơ sở đơn các hộ gia đình xin đăng ký được hỗ trợ chính sách nêu trên, tổ chức bình xét, chọn công khai, tổng hợp danh sách đề xuất hộ gia đình được hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán theo Phụ lục I, Ia. Hộ được đưa vào danh sách đề xuất hộ gia đình được hỗ trợ chính sách phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín). Cuộc họp bao gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và công chức cấp xã; Trưởng BND ấp (chủ trì họp); đại diện cấp ủy Chi bộ, tổ chức đoàn thể của ấp và đại diện các hộ có trong danh sách đăng ký hỗ trợ (có sự tham gia ít nhất 2/3 số hộ gia đình đăng ký hỗ trợ); mời đại diện Ủy ban MTTQVN cấp xã giám sát. Trưởng BND ấp lập hồ sơ kết quả cuộc họp thành 02 bộ (gồm: Biên bản họp ấp theo Mẫu số 1, danh sách đề xuất hộ gia đình được hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán theo Phụ lục số I và phụ lục số I.a); 01 bộ do Trưởng BND ấp lưu, 01 bộ gửi UBND cấp xã.

**- Tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là cấp xã):**

+ Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp, kiểm tra/thẩm định hồ sơ của các ấp, quy trình bình xét ở ấp; niêm yết công khai danh sách đề xuất hộ gia đình được hỗ trợ chính sách tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có).

+ Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại Nhà văn hóa hoặc Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập hồ sơ (gồm: Văn bản báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm danh sách đề xuất hộ gia đình được hỗ trợ chính sách theo Phụ lục số I, Ia gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện).

**b) Bước 2: Rà soát, lập và phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng:**

**- Tại huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là** **cấp huyện)**

+ Nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng liên quan của huyện tổng hợp, kiểm tra/thẩm định hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán theo quy định. Trường hợp kết quả rà soát danh sách đề xuất đối tượng được hỗ trợ chính sách của Ủy ban nhân dân cấp xã chưa đảm bảo theo yêu cầu thì đề nghị cấp xã tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện hoặc tiến hành lại các bước đảm bảo theo yêu cầu.

+ Nhận được văn bản trình của Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ chính sách làm cơ sở triển khai thực hiện việc hỗ trợ và vay vốn tín dụng từ Ngân hàng chính sách xã hội; đồng thời gửi Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ chính sách về Ban Dân tộc, Sở Xây dựng (các phụ lục liên quan đến nhà ở), Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để theo dõi việc thực hiện theo quy định. (kèm II, II.a, II.b II.c II.d II.đ)

- Trên cơ sở danh sách được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chỉ đạo phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm tổ chức cho vay vốn hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc) theo quy định.

**c) Bước 3: Thực hiện hỗ trợ và vay vốn**

Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện việc hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ chính sách đúng quy định.

*- Hỗ trợ đất ở:* Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Mục 1, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công (Luật số 39/2019/QH14), Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và các quy định có liên quan. (chi tiết áp dụng theo hướng dẫn trong Cẩm nang số (http://112.213.86.233/camnangso/): Dự án 1/ chọn hoạt động cần tra cứu sau đó nhấn vào mũi tên gốc phải chọn nội dung Hỗ trợ đất ở/ Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình/ Hướng dẫn quản lý thực hiện hoạt động/ Một số định mức/ Tại điểm 1.2. Thẩm định/phê duyệt và điểm 1.3. Đấu thầu/giao nhiệm vụ)

*- Hỗ trợ nhà ở:* Thực hiện theo điểm c, khoản 3.2.2, Mục I, phần thứ hai của Hướng dẫn này**.**

- *Hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất*: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 9, Mục 3, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công (Luật số 39/2019/QH14), Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và các quy định có liên quan.

- *Hỗ trợ chuyển đổi nghề*: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Mục 3, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT; Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

- *Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán*: Thực hiện theo quy định tạikhoản 1, Điều 11, Mục 4, Chương II Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc; Điều 3 và Điều 6 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

**\* Lưu ý:** Trường hợp hỗ trợ theo nhóm hộ để xây dựng những công trình sử dụng chung *(theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT* của Ủy ban Dân tộc*),* Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo nhóm hộ thảo luận, thống nhất cách thức thực hiện, xây dựng dự toán, trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt và giao nhóm hộ thực hiện; Ủy ban nhân dân xã tổ chức nghiệm thu, thanh toán theo khối lượng thực tế nhưng tối đa 03 triệu đồng/hộ.

**- Quản lý và sử dụng kinh phí:**

+ Đối với nguồn vốn ngân sách hỗ trợ: Việc lập, phân bổ, dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công đối với nguồn vốn đầu tư phát triển gồm 04 nội dung: hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung (chi tiết áp dụng theo hướng dẫn trong Cẩm nang số (http://112.213.86.233/camnangso/): Dự án 1/ chọn hoạt động cần tra cứu sau đó nhấn vào mũi tên gốc phải chọn nội dung Hỗ trợ đất ở/ Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình/ Hướng dẫn quản lý thực hiện hoạt động/ Một số định mức/ Tại điểm 1.2. Thẩm định/phê duyệt và điểm 1.3. Đấu thầu/giao nhiệm vụ); đối với nguồn vốn sự nghiệp gồm 02 nội dung: hỗ trợ chuyển đổi nghề và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng quy định.

+ Đối với nguồn vốn vay: Hộ gia đình có nhu cầu vay vốn thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

**5. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01, 03 và 04 (về hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án); tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chủ trì thuộc Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02 thuộc Dự án (về hỗ trợ nhà ở); kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hiện nội dung số 02 thuộc Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 04 (về hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thuộc Dự án); kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 04 thuộc Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; đồng thời bố trí ngân sách huyện, thị xã, thành phố và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ đất ở theo quy định; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

**II.** **DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA CÁC VÙNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

**1. Tiểu dự án 1:** Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

1.1. Đối tượng

Áp dụng theo điểm a, khoản 3 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Phạm vi địa bàn: xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Nội dung hỗ trợ: Áp dụng theo Điều 9, tiểu mục 3.1, mục 3, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính. Đồng thời thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

1.4. Mức hỗ trợ: Áp dụng theo Điều 10, tiểu mục 3.1, mục 3, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

1.5. Phân công thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

**2. Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**2.1. Nội dung số 01:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

**2.1.1.** Nguyên tắc thực hiện: Ngoài quy định theo khoản 3, phần thứ nhất của Hướng dẫn này, việc triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại Điều 17, Mục 1, Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**2.1.2.** Nội dung và cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 18, 19 và 20 Mục 1, Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**2.1.2.1.** **Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

*\* Đối tượng và địa bàn:*

- Dự án, kế hoạch liên kết phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Chương trình tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: “Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo”.Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn. Ưu tiên dự án, kế hoạch liên kết có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ hoặc hợp tác xã có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

- Địa bàn thực hiện tại các xã, ấp, khóm thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn.

*\* Phân cấp quản lý*

- UBND cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi trong huyện.

- UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư các dự án gắn với sản phẩm chủ lực, đặc trưng và dự án, kế hoạch có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên huyện.

- UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách chi tiết đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ và đăng ký vay vốn tín dụng chính sách phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư; UBND cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc phê duyệt danh sách chi tiết đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ và đăng ký vay vốn tín dụng chính sách phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị các dự án, kế hoạch liên kết do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

*\* Điều kiện hỗ trợ:* Thực hiện theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Điều 33 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Đối với hộ nghèo, cận nghèo: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đáp ứng điều kiện vay vốn theo chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo đang triển khai tại Ngân hàng Chính sách xã hội, có tên trong danh sách thành viên tham gia chuỗi giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã:

. Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án sử dụng vốn vay để tham gia chuỗi giá trị và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận tham gia vào chuỗi giá trị.

. Được Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

. Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

*\* Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết:*

- Chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị, trên cơ sở tham vấn, phối hợp với các bên liên kết.

- Nội dung hồ sơ, trình tự thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau: (Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề xuất là Chủ trì dự án cấp tỉnh đối với các dự án, kế hoạch liên kết do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư, Chủ trì dự án cấp huyện đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi huyện.

*\* Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

*\* Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ:* Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Điều 35 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, cụ thể:

- Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình (Ban dân tộc đang tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

- Mức cho vay, thời hạn cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia chuỗi giá trị theo Nghị định này áp dụng quy định hiện hành về Chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Mức cho vay đối với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị tối đa là 02 tỷ đồng/khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa là 5 năm.

 *\* Về quản lý và sử dụng kinh phí:* Thực hiện theo quy định tại Điều 11, tiểu mục 3.2, mục 3, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

**2.1.2.2.** **Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa cộng đồng**

*\* Đối tượng và địa bàn:*

- Dự án phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Chương trình theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; trong đó, tỷ lệ tham gia dự án của người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tối thiểu 70%. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Địa bàn thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*\* Phân cấp quản lý*

- UBND cấp xã làm chủ đầu tư các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng.

- Trường hợp không đủ năng lực, UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc làm chủ đầu tư.

*\* Điều kiện hỗ trợ:* Hỗ trợ thực hiện theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định định số 27/2022/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

- Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

*\* Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án:*

- Nội dung hồ sơ, trình tự thẩm định, phê duyệt dự án thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: (Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

*\* Nội dung hỗ trợ:* Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình thực hiện theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

*\* Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ:* Hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình thực hiện theo khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, cụ thể, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình (Ban dân tộc đang tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

\* Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

\* *Về quản lý và sử dụng kinh phí:* Thực hiện theo quy định tại Điều 12, tiểu mục 3.2, mục 3, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

**2.1.3. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành; tham gia thẩm định dự án kế hoạch liên quan kết theo chuổi giá trị; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**2.2.** **Nội dung số 02:** Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:Tỉnh chưa triển khai nội dung này do chưa có đối tượng thực hiện *(theo báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

**2.3.** **Nội dung số 03:** Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**2.3.1.** Đối tượng và địa bàn

+ Doanh nghiệp, Hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**2.3.2.** Nguyên tắc thực hiện

Ngoài quy định theo khoản 3, phần thứ nhất của Hướng dẫn này, việc triển khai thực hiện nội dung thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Mỗi xã đặc biệt khó khăn có tối thiểu một mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp được hỗ trợ. Mô hình được hỗ trợ phải tạo việc làm, có hợp đồng thu mua sản phẩm cho ít nhất 15 hộ gia đình thuộc địa bàn xã khu vực III.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc có từ 50% trở lên số lao động là phụ nữ tham gia mô hình, các dự án phát triển sản xuất theo chuổi giá trị được hỗ trợ bằng nguồn vốn của Chương trình.

- Mỗi mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp khi được lựa chọn hỗ trợ sẽ được nhận hỗ trợ theo giai đoạn không quá 3 năm dưới các hình thức: hỗ trợ một phần chi phí thực hiện mô hình, hỗ trợ cung cấp thông tin, hỗ trợ kết nối cá nhân/tổ chức chủ trì mô hình được tham gia các hoạt động của Hệ sinh thái thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, lồng ghép các nguồn lực để hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh phát triển bền vững và mở rộng, phát huy hiệu quả đầu tư của Chương trình.

**2.3.3.** Nội dung thực hiện và định mức hỗ trợ

Các nội dung, định mức hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh

- Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất tại hiện trường, nhưng không quá 30 triệu đồng/khóa đào tạo, tối đa 05 khóa/mô hình.

- Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng và tối đa 05 hợp đồng/mô hình.

- Hỗ trợ 75% chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác, quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm, tối đa 150 triệu đồng/mô hình.

b) Chi tổ chức biểu dương thanh niên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công. Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Riêng chi khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành về thi đua, khen thưởng.

c) Hỗ trợ tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư, hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

- Chi truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

- Chi hỗ trợ xây dựng và thực hiện một số mô hình nhằm tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho địa phương: nội dung và mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC và theo quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BCT; Thông tư số 40/2020/TT-BCT.

- Tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

**2.3.4.** Quy trình lập và phê duyệt kế hoạch thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư ở địa phương. Áp dụng theo Điều 28, mục 2, Chương IV Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

a) UBND cấp tỉnh giao cho một cơ quan trực thuộc chủ trì thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ trì khởi nghiệp cấp tỉnh), phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn UBND cấp huyện xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, thu hút đầu tư hằng năm và cả giai đoạn. UBND cấp huyện giao cho một cơ quan trực thuộc chủ trì thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ trì khởi nghiệp cấp huyện) phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và hoàn thiện kế hoạch trình UBND cấp huyện phê duyệt.

b) Căn cứ vào quyết định giao vốn của cấp có thẩm quyền, các cơ quan được giao thực hiện xây dựng kế hoạch thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư. Quy trình xây dựng kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

c) Quy trình phê duyệt kế hoạch thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư

- UBND cấp xã xây dựng kế hoạch hỗ trợ các mô hình thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp gửi Chủ trì khởi nghiệp cấp huyện tổng hợp; Chủ trì khởi nghiệp cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát, xác định danh mục và lập kế hoạch hỗ trợ các mô hình cấp xã trình UBND cấp huyện phê duyệt làm cơ sở để tổ chức thực hiện.

- Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch hỗ trợ các hoạt động thu hút đầu tư gửi Chủ trì khởi nghiệp cấp tỉnh tổng hợp trình UBND cấp tỉnh phê duyệt.

**2.3.5.** Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan theo định kỳ, đột xuất.

**III. DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC**

**1. Tiểu dự án 1:** **Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

**1.1. Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, ấp đặc biệt khó khăn**

**1.1.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn**

**a) Đối tượng**

Các xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn (xã khu vực III, ấp, khóm đặc biệt khó khăn), xã ATK (an toàn khu) khu vực I, II (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, xã chưa được công nhận hoàn thành mục tiêu Chương trình 135).

**b) Nội dung thực hiện**

Theo quy định tại điểm a, khoản 4, Mục III thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông;...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

**c) Nguyên tắc thực hiện**

Ngoài quy định theo khoản 3, phần thứ nhất của Hướng dẫn này, việc triển khai thực hiện các nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, ấp, khóm đặc biệt khó khăn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo tất cả các xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn thuộc diện được phân bổ vốn của tiểu dự án.

- Phân bổ vốn đầu tư các công trình đặc thù thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Các công trình sử dụng vốn Chương trình phải gắn biển công trình với các nội dung: Tên công trình; nguồn vốn: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030; Chủ đầu tư; Đơn vị công; Tổng vốn đầu tư; Quy mô công trình; Thời gian khởi công; Thời gian hoàn thành.

**d) Cơ chế thực hiện**

- Căn cứ vào mức độ ưu tiên và tình hình thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện được tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư khởi công mới một số công trình mà người dân có nhu cầu cấp thiết tại xã, thôn ĐBKK theo hình thức luân phiên, nhưng phải đảm bảo vốn đầu tư không vượt quá tổng vốn đầu tư phát triển dự kiến phân bổ cho xã, thôn theo giai đoạn.

- Đối với các công trình áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng (sau đây gọi là cơ chế đặc thù) quy trình triển khai thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh. (Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành danh mục các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng)

- Đối với công trình không áp dụng cơ chế đặc thù quy trình triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định có liên quan, cụ thể: Thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công (Luật số 39/2019/QH14), Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 12/2021/TT-BXD, Thông tư số 96/2021/TT-BTC, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, … và các quy định có liên quan.

**1.1.2. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng**

Thực hiện theo quy định Điều 34, Mục 1, Chương V Thông tư số 02/2022/TT-UBDT và Điều 16, 17, Mục 4, Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC, cụ thể:

Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, khóm, ấp đã đầu tư giai đoạn trước:

- Duy tu, bảo dưỡng những công trình phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, ấp, khóm (bao gồm cả công trình không được đầu tư bằng nguồn vốn của Tiểu dự án) do UBND cấp xã quản lý được sử dụng kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng của Tiểu dự án để thực hiện; không sử dụng kinh phí của Tiểu dự án để duy tu, bảo dưỡng công trình đã bàn giao cho hộ, nhóm hộ sử dụng.

- Kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng chỉ sử dụng cho sửa chữa nhỏ, tu bổ, bảo trì thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của công trình; không sử dụng cho xây mới, nâng cấp, sửa chữa lớn công trình.

- UBND cấp xã là chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình:

+ Hằng năm, căn cứ quy trình duy tu, bảo dưỡng và hiện trạng công trình trên địa bàn xã, UBND cấp xã lập danh mục công trình, hạng mục công trình cần duy tu, bảo dưỡng; thông báo, đồng thời tổ chức thảo luận công khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đến người dân và cộng đồng; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình và hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn xã, trình Hội đồng nhân dân xã thông qua, đồng thời gửi UBND cấp huyện tổng hợp; ưu tiên duy tu bảo dưỡng đối với những công trình cấp thiết trên địa bàn xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn nhất trước.

+ Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng của UBND cấp huyện và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, UBND cấp xã quyết định giao cho tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã nhận thầu thực hiện hoặc giao cho trưởng ấp, khóm tổ chức các hộ gia đình trong ấp, khóm thực hiện duy tu, bảo dưỡng đối với công trình do ấp, khóm quản lý; trường hợp tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ, các hộ gia đình trong ấp, khóm không đủ điều kiện và khả năng thực hiện, UBND cấp xã ký hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện duy tu, bảo dưỡng.

- Mức kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối đối với từng công trình sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng.

- Việc quản lý, thanh toán kinh phí duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có). Ngoài ra, việc lập dự toán, giao dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thự chiện theo quy định tại Điều 17, Mục 4, Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC

**1.2. Nội dung số 02: Đầu tư xây dụng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

“Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 1 của Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 Bộ Công Thương về việc hướng dẫn triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Đối tượng, nguyên tắc thực hiện, cơ chế thực hiện, duy tu bảo dưỡng và quản lý vận hành công trình chợ xây mới, cải tạo nâng cấp theo các văn bản hướng dẫn của Chương trình, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

- Các dự án chợ được lựa chọn đầu tư xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp phải phù hợp với pháp luật có liên quan về đầu tư chợ từ ngân sách nhà nước, bảo đảm hiệu quả, không để lãng phí và thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát (hoặc phối hợp Sở Công Thương kiểm tra, giám sát khi có yêu cầu), đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung này về Sở Công Thương tổng hợp.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quy định về quản lý chợ, đầu tư khai thác, chuyển đổi mô hình kinh doanh chợ như: Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 ban hành Quy chế quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 09/5/2018 phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, các địa phương nghiên cứu thực hiện đúng các quy định nêu trên.

- Triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định có liên quan, cụ thể: Thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Thông tư số 11/2021/TT-BXD; Thông tư số 12/2021/TT-BXD

**1.3. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nội dung số 01; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nội dung số 02; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**IV. DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**

**1. Tiểu dự án 1:** **Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

**1.1. Đối tượng**

Áp dụng theo điểm a, khoản 5 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**1.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**1.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Áp dụng theo Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định 1719/QĐ-TTg.

**1.4. Phân công thực hiện**

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**2. Tiểu dự án 2:** **Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.**

**2.1. Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

**2.1.1. Đối tượng:** Áp dụng theo Điều 38, Tiểu mục 1, mục 1, Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cán bộ cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, gồm 2 nhóm đối tượng sau:

a) Cấp tỉnh bồi dưỡng:

- Nhóm đối tượng 2:

+ Giám đốc, Phó Giám đốc các sở và tương đương;

+ Trưởng, Phó các ban đảng trực thuộc Tỉnh ủy;

+ Trưởng, Phó các ban trực thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Bí thư, Phó Bí thư các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;

+ Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

+ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;

+ Các đối tượng tương đương thuộc lực lượng công an, quân đội công tác đóng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nhóm đối tượng 03:

+ Trưởng, Phó các sở, ban ngành, Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể tỉnh;

+ Trưởng, Phó các phòng, ban ngành, Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể các huyện, thị xã, thành phố;

+ Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy các xã, phường, thị trấn;

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

+ Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học; Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng các trường Nội trú, bán trú thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Các đối tượng tương đương thuộc lực lượng công an, quân đội công tác đóng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nhóm đối tượng 04: Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc thuộc các sở, ban ngành, Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể tỉnh.

b) Cấp huyện bồi dưỡng (Nhóm đối tượng 4) :

- Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc thuộc các phòng, ban ngành, Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể các huyện, thị xã, thành phố;

- Cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn; Trưởng khóm, ấp, Bí thư chi bộ, đại diện tổ chức quần chúng khóm, ấp vùng dân tộc thiểu số.

- Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**2.1.2. Phạm vi địa bàn:** Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Sóc Trăng.

**2.1.3. Nguyên tắc thực hiện:** Ngoài quy định theo khoản 3, phần thứ nhất của Hướng dẫn này, việc triển khai thực hiện nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc phải đảm bảo các nguyên tắc theo Điều 39, Tiểu mục 1, mục 1, Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**2.1.4. Chương trình, hình thức, tài liệu, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

**2.1.4.1. Chương trình, tài liệu và hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc:**

- Chương trình bồi dưỡng nhóm đối tượng 2 do Học viện Chính trị Quốc gia phối hợp với các Bộ ngành liên quan biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình tài liệu đảm bảo lồng ghép với các chương trình đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Chương trình bồi dưỡng nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 theo Chương trình bồi dưỡng theo Quyết định số 778/QĐ-UBDT ngày 23/10/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

**2.1.4.2.** Trong trường hợp cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo vật chất có thể lựa chọn hình thức bồi dưỡng từ xa, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng qua mạng cho học viên, đam bảo các yêu cầu, nội dung, phương pháp thời lượng quy định.

**2.1.4.3. Về tài liệu:** Sử dụng tài liệu do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Ủy ban Dân tộc ban hành. Nội dung chương trình, tài liệu phải bảo đảm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; tích hợp, lồng ghép các chương trình bồi dưỡng có nội dung tương đồng; không được trùng lặp. Chương trình, tài liệu phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với tình hình thực tế.

**2.1.4.4.** Chứng chỉ bồi dưỡng do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp theo quy định tại Điều 4 Thông tư 01/2018/TT-BNV/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

**2.1.5. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng**

**2.1.5.1.** Đơn vị tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc ở các Bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc hoặc các cơ sở giáo dục đào tạo khác đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

**2.1.5. 2.** Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được giao tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoặc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp trở lên về các ngành hoặc chuyên ngành có liên quan đến các chương trình bồi dưỡng.

2.1.6. Giảng viên, báo cáo viên

**2.1.6.1.** Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải có đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng kiến thức dân tộc. Tiêu chuẩn giảng viên thực hiện theo các quy định tại Chương IV Thông tư số [01/2018/TT-BNV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-01-2018-tt-bnv-huong-dan-nghi-dinh-101-2017-nd-cp-boi-duong-can-bo-cong-chuc-364926.aspx) ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số [101/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-101-2017-nd-cp-dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-319214.aspx) ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

**2.1.6.2.** Ủy ban Dân tộc hằng năm mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

**2.1.7. Nội dung và mức chi**

Thực hiện theo quy định khoản 1, Điều 4, Chương I Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các văn bản hiện hành có liên quan.

**2.1.8. Phân công thực hiện bồi dưỡng**

**-** Ban Dân tộc

Ban Dân tộc tham mưu UBND cấp tỉnh tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 2, 3, 4 thuộc thẩm quyền quản lý và phối hợp Học viện Dân tộc tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho các nhóm đối tượng 2, 3, 4 khi có yêu cầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1702-QĐ/TU ngày 11/7/2019 của Tỉnh ủy Sóc Trăng; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 4 theo thẩm quyền quản lý và phối hợp Học viện Dân tộc tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho các đối tượng 4 khi có yêu cầu.

**2.2. Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học**

**2.1.1. Đối tượng:** Áp dụng theo Điều 47, Tiểu mục 2, mục 1, Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**2.1.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**2.1.3. Nguyên tắc thực hiện:** Ngoài quy định theo khoản 3, phần thứ nhất của Hướng dẫn này, việc triển khai thực hiện nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học phải đảm bảo các nguyên tắc theo Điều 48, Tiểu mục 2, mục 1, Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**2.1.4. Nội dung chi và mức chi:** Áp dụng theo theo Điều 49 Tiểu mục 2, mục 1, Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc và khoản 2, Điều 21, tiểu mục 5.2, Mục 5, Chương II Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

2.1.5. Phân công thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với sở Nội vụ, Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung số 02 về đào tạo dự bị đại học, đào tạo đại học; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung số 02 về đào tạo sau đại học; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**3. Tiểu dự án 3:** **Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số.**

**3.1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm c, khoản 5 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**3.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**3.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Áp dụng theo hướng dẫn tại Chương III Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

**3.4. Phân công thực hiện**

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

**4. Tiểu dự án 4:** **Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

**4.1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm d, khoản 5 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**4.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**4.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Áp dụng theo điểm d, khoản 5 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 51 và 52, mục 2, Chương VI Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 33, tiểu mục 5.4, mục 5, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

**4.4. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phối hợp tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**V. DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**1. Phạm vi áp dụng**

Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**2. Đối tượng áp dụng**

+ Tỉnh, thành phố, huyện có xã, ấp thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số.

+ Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số.

+ Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

+ Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**3. Nguyên tắc thực hiện**

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, ấp khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Dự án phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lắp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Dự án ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Dự án.

**4. Nội dung thực hiện**

**4.1.** **Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số**

*a. Kiểm kê di sản văn hóa truyền thống*

- Khảo sát đánh giá về di sản văn hóa truyền thống ở cộng đồng.

- Tập huấn cho cộng đồng về kiểm kê di sản văn hóa truyền thống.

- Kiểm kê di sản văn hóa truyền thống.

- Xây dựng danh mục kiểm kê di sản văn hóa truyền thống.

- Xây dựng, tổng hợp, đề xuất các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa truyền thống.

- Báo cáo kết quả kiểm kê di sản văn hóa truyền thống.

- Đánh giá kết quả kiểm kê di sản văn hóa truyền thống.

*b. Sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống*

- Tập huấn cho cộng đồng về sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống;

- Triển khai sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể: phỏng vấn, điều tra, quay phim, chụp ảnh, lập bản đồ, báo cáo khoa học về di sản văn hóa truyền thống;

- Trình diễn, trưng bày kết quả sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống;

- Đánh giá kết quả sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống.

**4.2. Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch**

*a. Đối tượng thực hiện*

Các lễ hội truyền thống tiêu biểu tại các địa phương để khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; ưu tiên hỗ trợ bảo tồn các lễ hội truyền thống có nguy cơ mai một và các lễ hội tiêu biểu nhằm khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*b. Nội dung thực hiện*

- Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số;

- Thuê chuyên gia nghiên cứu, chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu, bảo tồn lễ hội truyền thống;

- Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, thiết kế, phần mềm, công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn lễ hội;

- Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy phương pháp, kỹ năng bảo tồn lễ hội truyền thống;

- Tổ chức trình diễn, tái hiện lễ hội truyền thống:

+ Lắp đặt, trang trí sân khấu, khu vực trình diễn; thuê trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; trang thiết bị, vật tư; lễ vật (phục vụ nghi lễ văn hóa);

+ Hỗ trợ chi phí tập luyện, trình diễn diễn cho nghệ nhân, diễn viên là người dân tộc thiểu số tham gia trình diễn;

+ Hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho nghệ nhân, diễn viên là người dân tộc thiểu số;

- Sản xuất phim tài liệu phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, giới thiệu lễ hội truyền thống các dân tộc;

- Thông tin, tuyên truyền phục vụ bảo tồn lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số.

**4.3 Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận**

*a. Đối tượng thụ hưởng*

 Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số sinh sống tại các địa phương trong tỉnh.

*b. Nội dung thực hiện*

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận;

- Hỗ trợ kinh phí cho nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số truyền dạy văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

**4.4. Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể**

*a. Đối tượng thụ hưởng*

- Nghệ nhân người có uy tín và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cộng đồng dân cư các điểm đến du lịch.

- Cán bộ, công chức làm công tác văn hóa, thể thao, du lịch và các lĩnh vực có liên quan ở cơ sở.

- Các đơn vị, hộ kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh du lịch tại địa phương.

*b. Nội dung thực hiện*

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy về bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể: Tiếng nói, chữ viết; Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian (bao gồm: âm nhạc, múa, hát, sân khấu và các hình thức trình diễn dân gian khác); Tập quán xã hội (bao gồm: luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác); Lễ hội truyền thống; Nghề thủ công truyền thống; Tri thức dân gian (bao gồm: tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y, dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác).

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ vụ du lịch gắn với việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống tại các điểm đến du lịch tiêu biểu vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Văn hóa, giao tiếp ứng xử, kỹ năng đón tiếp phục vụ khách du lịch; Kỹ năng, phương pháp chế biến món ăn; kỹ năng phục vụ lưu trú du lịch; kỹ năng điều hành tour; kỹ năng hướng dẫn du lịch.

- Thời gian tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4.5. Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một**

*a. Đối tượng áp dụng*

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có năng lực, điều kiện triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học về văn hóa dân tộc thiểu số.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có năng lực, điều kiện triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học về văn hóa dân tộc thiểu số.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nghệ nhân người dân tộc thiểu số; đồng bào các dân tộc thiểu số.

Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

*b. Nội dung thực hiện*

- Nghiên cứu các giải pháp phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; nghiên cứu để bảo tồn môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù; nghiên cứu xây dựng luật thi đấu và tổ chức thi đấu thực nghiệm, chuẩn hóa trang thiết bị thi đấu môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù, phát triển môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù.

- Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể, môn thể thao của các dân tộc thiểu số.

- Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, thiết kế, phần mềm, công nghệ phục vụ hoạt động các loại hình văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; kỹ năng phương pháp bảo tồn các môn thể thao dân tộc.

- Tổ chức trình diễn, tái hiện các loại hình văn hóa phi vật thể:

+ Lắp đặt, trang trí sân khấu, khu vực trình diễn; thuê trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; trang thiết bị, vật tư; lễ vật (phục vụ nghi thức văn hóa truyền thống):

+ Hỗ trợ chi phí tập luyện, biểu diễn cho nghệ nhân, diễn viên là người dân tộc thiểu số trình diễn đối với hoạt động bảo tồn, phục dựng văn hóa phi vật thể;

+ Tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho nghệ nhân, diễn viên là người dân tộc thiểu số;

- Tổ chức thi đấu thực nghiệm các môn thể thao dân tộc.

- Sản xuất phim tài liệu phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống các dân tộc.

- Thông tin, tuyên truyền phục vụ bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số.

**4.6. Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng di dân tái định cư**

*a. Đối tượng thụ hưởng*

Nghệ nhân, người có uy tín và đồng bào dân tộc thiểu số; các câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian tại các thôn, bản vùng dân tộc thiểu số; Các đơn vị, hộ kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh du lịch tại địa phương.

*b. Nội dung thực hiện và hoạt động*

- Nội dung thực hiện: Tổ chức xây dựng 01 trong 03 loại mô hình gồm có: Mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; Mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; Mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng.

- Nội dung hoạt động:

+ Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để xây dựng mô hình.

+ Thuê chuyên gia nghiên cứu, chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng mô hình.

+ Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, thiết kế, phần mềm, công nghệ phục vụ xây dựng mô hình.

+Tổ chức lớp tập huấn về phương pháp, kỹ năng xây dựng và nhân rộng các mô hình.

+ Tổ chức thực nghiệm các mô hình: Lắp đặt, trang trí sân khấu, khu vực trình diễn; thuê trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; trang thiết bị, vật tư phục vụ xây dựng các mô hình; Hỗ trợ chi phí tập luyện, biểu diễn cho nghệ nhân, diễn viên là người dân tộc thiểu số trình diễn đối với hoạt động bảo tồn, phục dựng văn hóa phi vật thể; Tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho nghệ nhân, diễn viên là người dân tộc thiểu số.

+ Sản xuất phim tài liệu về quá trình xây dựng các mô hình, phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống các dân tộc.

+ Thông tin, tuyên truyền rộng rãi các mô hình.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng các mô hình.

**4.7. Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống**

*a. Đối tượng thụ hưởng*

Đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp thuộc vùng dân tộc thiểu số, nơi có phong trào văn nghệ hoạt động sôi nổi, tích cực tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025.

*b. Nội dung thực hiện*

- Chi hướng dẫn tổ chức và hoạt động cho đội văn nghệ;

- Dàn dựng và biểu diễn các chương trình văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, các sự kiện văn hóa, xã hội, ngày lễ, kỷ niệm, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của đông đảo quần chúng nhân dân ở địa phương.

- Mua sắm trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; thuê hoặc mua sắm thiết bị âm thanh, ánh sáng đáp ứng tối thiểu nhu cầu tập luyện, biểu diễn.

- Thù lao bồi dưỡng trong tập luyện, biểu diễn.

**4.8. Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu**

*a. Đối tượng hưởng lợi*

- Các điểm đến du lịch khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh điểm đến du lịch.

- Các hộ gia đình, người dân địa phương.

*b. Nội dung thực hiện*

- Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn.

- Trang bị nhạc cụ, đạo cụ biểu diễn.

- Thiết kế nhà vệ sinh đạt chuẩn phù hợp với địa phương.

- Trang bị thùng rác công cộng.

- Sưu tầm, phục chế, phục dựng hiện vật.

- Thiết kế, lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch.

- Hỗ trợ xây dựng nhà trưng bày.

- Xây dựng trung tâm thông tin du lịch.

- Hỗ trợ phục dựng cảnh quan, làm giàu tài nguyên, đường dạo nội bộ, điện chiếu sáng, sơ đồ tour tuyến, biển hiệu các hộ gia đình có dịch vụ phục vụ khách du lịch.

**4.9. Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số**

*a. Đối tượng thụ hưởng*

- Cấp tỉnh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban dân tộc hoặc cơ quan phụ trách công tác dân tộc tỉnh vùng dân tộc thiểu số.

- Cấp huyện: Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng dân tộc huyện, thị xã, thành phố vùng dân tộc thiểu số.

- Cấp xã: Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc xã vùng dân tộc thiểu số. Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thuộc xã vùng dân tộc thiểu số.

- Cấp xã: ấp, khóm thuộc xã vùng dân tộc thiểu số.

- Trường học: Lớp thuộc trường tiểu học, trung học cơ sở xã vùng dân tộc thiểu số; Lớp thuộc các trường dân tộc nội trú vùng dân tộc thiểu số.

*b. Nội dung thực hiện*

Xuất bản ấn phẩm thông tin giới thiệu nét đẹp văn hóa đặc sắc của gia đình, ấp, xã trong cộng đồng các dân tộc thiểu số; giới thiệu các phương pháp, kỹ năng bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số; các mô hình phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm du lịch vùng dân tộc thiểu số; các tiềm năng, thế mạnh, thành tựu phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số bằng tiếng dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài.

**4.10. Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số**

*a. Đối tượng áp dụng*

- Tỉnh đăng cai tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số theo khu vực và toàn quốc, theo từng dân tộc, loại hình nghệ thuật theo Đề án “Tổ chức định kỳ Ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch vùng đồng bào các dân tộc thiểu số theo khu vực và toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030” (Quyết định số [3666/QĐ-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-3666-qd-bvhttdl-2020-to-chuc-ngay-hoi-giao-luu-van-hoa-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-459211.aspx) ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

- Tỉnh đăng ký tham gia theo văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo hằng năm.

*b. Nội dung thực hiện*

Các hoạt động trong khuôn khổ Ngày hội: Liên hoan nghệ thuật quần chúng, trình diễn trang phục dân tộc, dệt thổ cẩm truyền thống; Trình diễn, giới thiệu trích đoạn lễ hội, nghi thức sinh hoạt văn hóa các dân tộc; Trưng bày triển lãm các đặc trưng văn hóa, ẩm thực các dân tộc; Tổ chức thi đấu thể thao truyền thống và trò chơi dân gian; Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch cộng đồng và một số hoạt động khác do địa phương đăng cai đề xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*c. Quy trình, định mức*

 Áp dụng theo Quyết định số 596/QĐ-BVHTTDL ngày 27/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức các chương trình văn hóa, nghệ thuật; ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, quân dân biên giới, hải đảo và các quy định khác có liên quan.

**4.11. Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số**

*a. Nội dung*

Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đấu thể thao truyền thống (cấp huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia) trong khuôn khổ các Ngày hội, Liên hoan, Giao lưu văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số.

*b. Căn cứ thực hiện*

Áp dụng Thông tư liên tịch số [200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-lien-tich-200-2011-ttlt-btc-bvhttdl-che-do-chi-tieu-tai-chinh-133808.aspx) ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; Quyết định số 596/QĐ-BVHTTDL ngày 27/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức các chương trình văn hóa, nghệ thuật; ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, quân dân biên giới, hải đảo và các quy định khác có liên quan.

**4.12. Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

*a. Đối tượng thụ hưởng*

- Các điểm đến du lịch khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh điểm đến du lịch.

- Các hộ gia đình, người dân địa phương.

*b. Nội dung thực hiện*

- Thuê chuyên gia tư vấn xây dựng các chương trình truyền thông.

- Hỗ trợ xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm truyền thông, quảng bá giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số theo dự án hoặc đề cương chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, các cuộc thi sáng tạo nghệ thuật về văn hóa các dân tộc thiểu số; các cuộc trưng bày, triển lãm đề tài về dân tộc thiểu số.

- Quảng bá, xúc tiến, truyền thông du lịch kết hợp nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Xây dựng website, trang mạng xã hội, ứng dụng di động trong lĩnh vực du lịch.

+ Xây dựng và triển khai các chiến dịch quảng bá trực tuyến trong lĩnh vực du lịch.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông thương hiệu du lịch Việt Nam trong và ngoài nước.

+ Tổ chức các đoàn khảo sát cho báo chí, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

+ Tổ chức các đoàn khảo sát cho báo chí, doanh nghiệp nước ngoài đến khảo sát điểm đến đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Tổ chức các chương trình tọa đàm, hội thảo nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch.

+ Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu du lịch của điểm đến.

**4.13. Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

*a. Đối tượng hưởng lợi*

Các xã, ấp vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-861-qd-ttg-2021-danh-sach-cac-xa-iii-ii-i-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-mien-nui-476885.aspx) ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

*b. Nội dung tủ sách*

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về văn hóa, thể thao, gia đình về du lịch; cung cấp thông tin, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về hôn nhân, phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng dân tộc thiểu số;

- Giới thiệu nét đẹp văn hóa đặc sắc của gia đình, thôn bản, làng xã trong cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi; giới thiệu các phương pháp, kỹ năng bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số; các mô hình phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm du lịch vùng dân tộc thiểu số;

- Các chủ đề khác có liên quan đến các dân tộc thiểu số.

*c. Nội dung hỗ trợ*

- Chi mua tài liệu, sách cho tủ sách mới xây dựng; cập nhật, bổ sung sách, tài liệu mới cho tủ sách hiện có phù hợp với yêu cầu sử dụng của cán bộ và nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chi mua tủ mới hoặc bảo dưỡng tủ sách định kỳ.

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách.

*d. Tổ chức thực hiện*

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Thư viện tỉnh phối hợp thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Tham mưu, đề xuất danh sách các xã trên địa bàn để xây dựng tủ sách cộng đồng theo tiêu chí đề ra.

+ Hỗ trợ các đơn vị, cá nhân đi khảo sát địa điểm triển khai xây dựng tủ sách cộng đồng (hình thức khảo sát có thể thay đổi tuỳ thuộc vào tình hình dịch bệnh Covid-19 để đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh) và các hoạt động khác trong quá trình triển khai Dự án 6.

+ Tổ chức tập huấn, hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ đối với người làm công tác thư viện tại tủ sách cộng đồng các xã.

+ Luân chuyển tài liệu, tăng cường nguồn lực thông tin đến các tủ sách cộng đồng mới được thành lập tại các xã.

+ Lồng ghép báo cáo tình hình hoạt động của các tủ sách cộng đồng tại các xã theo Dự án 6 trong báo cáo chung về hoạt động của hệ thống thư viện trên địa bàn theo quy định.

+ Cử cán bộ chuyên môn triển khai nhiệm vụ trên và cung cấp thông tin (Họ và tên, Chức vụ, Số điện thoại, Email) để làm đầu mối liên hệ, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quá trình triển khai Dự án 6.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Thư viện tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai bao gồm: Mục tiêu, tiêu chí, số lượng, địa điểm, kinh phí phân bổ, thời gian thực hiện… gửi về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Thư viện). Trên cơ sở đó, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sẽ lựa chọn những nhà xuất bản/nhà sách uy tín, lập danh mục sách có nội dung phong phú, phù hợp với đối tượng thụ hưởng và gửi về cho địa phương tham khảo chấm chọn.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: bố trí địa điểm, nhân sự, quỹ lương và xây dựng cơ chế hoạt động nhằm đảm bảo, duy trì tủ sách cộng đồng phục vụ nhân dân, đồng bào dân tộc trên địa bàn xã.

**4.14.** **Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

*a. Đối tượng hỗ trợ*

Các xã, ấp vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số [861/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/quyet-dinh-861-qd-ttg-2021-danh-sach-cac-xa-iii-ii-i-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-mien-nui-476885.aspx) ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

*b. Nội dung hỗ trợ*

- Xây dựng mới Nhà văn hóa - Khu thể thao đối với ấp đặc biệt khó khăn nơi chưa có Nhà Văn hóa.

- Cải tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp hiện có nhưng đã xuống cấp thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nơi có phong trào văn nghệ hoạt động sôi nổi, tích cực.

- Chi hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao đối với các Nhà văn hóa, khu thể thao ấp, xã.

*c. Căn cứ thực hiện*

- Thông tư số [06/2011/TT-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/thong-tu-06-2011-tt-bvhttdl-mau-to-chuc-hoat-dong-nha-van-hoa-khu-the-thao-thon-119940.aspx) ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn;

- Thông tư số [01/2017/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-01-2017-tt-btnmt-dinh-muc-su-dung-dat-xay-dung-co-so-van-hoa-y-te-giao-duc-340568.aspx) ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao và các quy định hiện hành có liên quan.

**4.15. Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số**

*a. Đối tượng áp dụng*

Xã có văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số có tiềm năng khai thác, phát triển kinh tế, du lịch.

*b. Nội dung thực hiện*

- Bảo tồn giá trị văn hóa vật thể

+ Bảo tồn các công trình kiến trúc, các công cụ lao động và sinh hoạt tiêu biểu, các sản phẩm của quá trình lao động sáng tạo từ nghề thủ công truyền thống và các sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Bảo tồn cảnh quan không gian văn hoá truyền thống của xã, ấp như bến sông, bến hồ, cảnh quan khu vực sông, ao, hồ, rừng cây, cây cổ thụ, tảng đá và các vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo gắn với đời sống tín ngưỡng, tâm linh.

- Bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể: Trò chơi dân gian; dân ca, dân nhạc, dân vũ; lễ hội truyền thống; ngữ văn dân gian; trang phục truyền thống; nghề thủ công truyền thống; văn hóa ẩm thực truyền thống; tri thức dân gian.

- Hỗ trợ phát triển du lịch: Hỗ trợ xúc tiến, quảng bá du lịch; Hỗ trợ phát triển thương hiệu du lịch.

*c. Quy trình thực hiện*

- Bước 1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức điều tra, khảo sát địa điểm đề xuất dự án theo các tiêu chí được quy định tại Phụ lục số 01 của Quyết định số 2503/QĐ-BVHTTDL ngày 08/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Bước 2: Căn cứ kết quả khảo sát, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình kèm Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Văn hóa dân tộc) hỗ trợ thực hiện dự án bảo tồn làng, bản truyền thống của địa phương mình;

- Bước 3: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức khảo sát địa điểm thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phố đề xuất; Nếu phù hợp với các tiêu chí đánh giá, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch năm để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, thống nhất;

- Bước 4: Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thống nhất, phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương thực hiện dự án, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh lập dự án bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống gắn với phát triển đời sống kinh tế và phát triển du lịch.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các quy định hiện hành để lập dự án; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực theo quy định hiện hành, xây dựng dự án theo đúng quy trình, thủ tục;

- Bước 6: Sau khi hoàn thiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình kèm theo Hồ sơ dự án gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Văn hóa dân tộc và Vụ Kế hoạch, Tài chính) để tổ chức thẩm định, thỏa thuận;

- Bước 7: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

- Bước 8: Sau khi có ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định, Sở phối hợp với đơn vị tư vấn lập dự án tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ dự án (02 bộ hoàn chỉnh) và gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Văn hóa dân tộc) để thống nhất thỏa thuận nội dung thực hiện.

- Bước 9: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt dự án và giao cho cơ quan chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tính chất dự án làm Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện dự án;

- Bước 10: Chủ đầu tư tổ chức quy trình lựa chọn nhà thầu, ký kết Hợp đồng với nhà thầu có đủ năng lực theo quy định để triển khai các gói thầu của dự án;

- Bước 11: Nhà thầu tổ chức triển khai thực hiện Hợp đồng.

- Bước 12: Sau khi tổ chức nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình, các sản phẩm của dự án, Chủ đầu tư có văn bản báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng và các sản phẩm của dự án kèm theo Hồ sơ liên quan (02 bộ) gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Văn hóa dân tộc và Vụ Kế hoạch, Tài chính) để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án.

- Bước 13: Căn cứ nội dung văn bản trả lời của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, rà soát và tổ chức khắc phục các tồn tại (nếu có) và báo cáo kết quả xử lý, khắc phục.

- Bước 14: Đưa công trình vào sử dụng, các sản phẩm của dự án vào khai thác và tiến hành thủ tục thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

**4.16. Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số**

*a. Đối tượng áp dụng*

Các di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

*b. Căn cứ thực hiện*

- Luật Di sản văn hóa (năm 2001);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (năm 2009);

- Nghị định số [98/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-98-2010-nd-cp-huong-dan-luat-di-san-van-hoa-111991.aspx) ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

- Nghị định số [61/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-61-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-giam-dinh-co-vat-hanh-nghe-bao-quan-tu-bo-phuc-hoi-di-tich-315420.aspx) ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số [109/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-109-2017-nd-cp-bao-ve-quan-ly-di-san-van-hoa-va-thien-nhien-the-gioi-o-viet-nam-289799.aspx) ngày 21/9/2017 của Chính phủ Quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới;

- Nghị định số [166/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-166-2018-nd-cp-tham-dinh-phe-duyet-quy-hoach-phuc-hoi-di-tich-lich-su-van-hoa-403512.aspx) ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;

- Thông tư số [09/2011/TT-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/thong-tu-09-2011-tt-bvhttdl-noi-dung-ho-so-khoa-hoc-de-xep-hang-di-tich-126803.aspx) ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Thông tư số [11/2013/TT-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-11-2013-tt-bvhttdl-suu-tam-hien-vat-bao-tang-cong-lap-217298.aspx) ngày 16/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập;

- Thông tư số [04/2017/TT-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/thong-tu-04-2017-tt-bvhttdl-boi-duong-kien-thuc-bao-quan-tu-bo-phuc-hoi-di-tich-lich-su-van-hoa-361634.aspx) ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định Chương trình bồi dưỡng kiến thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Thông tư số [15/2019/TT-BVHTTDL](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/thong-tu-15-2019-tt-bvhttdl-bao-quan-tu-bo-phuc-hoi-di-tich-434020.aspx) ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

*c. Mức hỗ trợ*

Theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

**5. Kinh phí thực hiện**

Dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và luật đầu tư công; cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Điều 4 và Điều 34 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản khác có liên quan.

**6. Phân công thực hiện**

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**VI. DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TẦM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM**

**1. Đối tượng:** Áp dụng theo khoản 7 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo khoản 7 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế; Điều 35, 36, 37, Mục 7, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

**4. Phân công thực hiện**

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**VII. DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

**1. Đối tượng:** Áp dụng theo khoản 8 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Phạm vi địa bàn:** Các xã, ấp khóm đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo khoản 8 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam; Điều 38, 39, 40 và 41, Mục 8, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính và văn bản Hướng dẫn số 06/HD-BTV ngày 20/9/2022 của Ban Thường vụ Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh Sóc Trăng.

**4. Phân công thực hiện**

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện, phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**VIII. DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN**

**1. Tiểu dự án 1:** Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

Tỉnh không triển khai thực hiện nội dung này, do các đối tượng thụ hưởng Tiểu dự án này đã được thụ hưởng các chính sách tại các Dự án khác của Chương trình.

**2. Tiểu dự án 2:** Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm b, khoản 9 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo điểm b khoản 9 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 60, 61, 62 và 63, Mục 2, Chương VII Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 47, 48 và 49, Tiểu mục 9.2, mục 9, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

**3. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan xác định đối tượng, địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Y tế hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thuộc Tiểu dự án;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**XI. DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ. KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

**1.1. Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín**

**1.1.1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm a, khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**1.1.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**1.1.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo điểm a khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 2 Điều 64 và khoản 2 Điều 65, Mục 1, Chương VIII Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 50, Tiểu mục 10.1, Mục 10, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

**1.1.4. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị có liên quan và địa phương tổ chức thực hiện nội dung số 01,Tiểu dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã để triển khai, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**1.2. Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.**

**1.2.1. Đối tượng:** Áp dụng theo Điều 67, Tiểu mục 1, khoản 1 Điều 71, Tiểu mục 2 và Điều 79, Tiểu mục 5, Mục 2, Chương VIII Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**1.2.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**1.2.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo điểm a (nội dung số 02) khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 68, 69, 70, Tiểu mục 1, Điều 72, khoản 3, 4 Điều 73 Tiểu mục 2 và Điều 80, Tiểu mục 5, Mục 2, Chương VIII Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 51, 52 và 56, Tiểu mục 10.1, Mục 10, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

Riêng Nhiệm vụ “Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Nội dung số 02 (Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số), của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10.

\* Nguyên tắc thực hiện

- Quán triệt thực hiện đầy đủ các nguyên tắc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển và không trùng lặp với việc thực hiện bằng nguồn vốn nhà nước ở các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác.

- Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia của Việt Nam và góp phần giữ gìn, phát huy quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với các quốc gia có chung đường Biên giới với Việt Nam. Có sự lồng ghép với các kế hoạch có liên quan; phân công, phối hợp giữa các cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Đảm bảo thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì nội dung thành phần Sở Thông tin và Truyền thông (Sở TTTT), cơ quan chủ trì chương trình Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật.

 \* Nội dung thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

 - Sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số

+ Mục tiêu: Tăng cường nội dung thông tin đối ngoại tại các địa bàn biên giới biển và vùng có đông ĐBDTTS sinh sống để nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và nhân dân trong công tác đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Yêu cầu: Sản phẩm thông tin phải có nội dung phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; có nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, có giá trị lan tỏa; phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân khu vực biên giới biển; không trùng lặp với việc thực hiện nhiệm vụ của các chương trình, đề án khác sử dụng nguồn vốn nhà nước.

+ Nội dung thông tin, tuyên truyền:

 . Chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ chủ quyền biển đảo góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

. Tuyên truyền công tác dân tộc, chính sách dân tộc về bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển của các dân tộc Việt Nam, qua đó góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

. Tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới biển.

. Các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

. Thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở vùng dân tộc thiểu số, gồm: các quyền kinh tế, quyền tiếp cận các dịch vụ xã 3 hội cơ bản (giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nước sạch và vệ sinh môi trường, nhà ở, thông tin, việc làm).

 . Đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng không gian mạng nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu vực biên giới; những nỗ lực, quyết tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số.

+ Hình thức sản phẩm thông tin đối ngoại: Bản tin (thể hiện dưới dạng âm thanh, chữ viết, hình ảnh), tài liệu (thông tin chuyên đề, sổ tay nghiệp vụ), tờ rơi, tờ gấp, áp phích, thư viện điện tử, video clip và các sản phẩm thông tin điện tử khác. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sản xuất các sản phẩm thông tin có chủ đề nội dung chuyên sâu, có giá trị, ý nghĩa lâu dài.

+ Về ngôn ngữ: Căn cứ thực tế về nhu cầu, tập quán, sử dụng ngôn ngữ của nhân dân khu vực biên giới; các sản phẩm thông tin đối ngoại được sản xuất bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số, phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại.

+ Thực hiện in, nhân bản, phát hành, phát sóng, đăng các sản phẩm thông tin đối ngoại phục vụ đối tượng, địa bàn thụ hưởng; ưu tiên đối với vùng biên giới biển, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

+ Tổ chức thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với cơ quan có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tổ chức triển khai xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; gửi kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) tổng hợp, báo cáo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định (theo Biểu mẫu đính kèm Văn bản này).

. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Bộ TTTT để tổng hợp, báo cáo theo quy định. Gửi sản phẩm thông tin đối ngoại đã hoàn thành (dưới dạng số hóa) về Bộ TTTT (Cục Thông tin đối ngoại) để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

 - Phối hợp cung cấp thông tin để hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới Phối hợp cung cấp các sản phẩm thông tin phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại khu vực biên giới để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đảm bảo đủ chức năng hỗ trợ phục vụ công tác thông tin đối ngoại, cung cấp thông tin định hướng và tài liệu đến các địa phương, các huyện, xã có biên giới biển, các đồn Biên phòng trên toàn tuyến biên giới.

 - Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại

 + Đối tượng:

. Cán bộ, công chức làm công tác quản lý, chuyên trách, phụ trách công tác thông tin đối ngoại tại Sở Thông tin và Truyền thông, cán bộ, công chức làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện; Lãnh đạo các huyện, các xã biên giới biển; cán bộ, công chức Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

. Lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn, báo chí, các đài phát thanh, truyền hình địa phương.

. Cán bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh được phân công kiêm nhiệm, phụ trách thực hiện công tác thông tin đối ngoại; tập trung ưu tiên cán bộ làm công tác tuyên truyền, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ tại các đồn biên phòng, cảng biển, tiếp xúc với người nước ngoài.

 . Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

 . Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

+ Nội dung thực hiện:

. Xây dựng chương trình; biên soạn, số hóa, in, phát hành tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại khu vực biên giới theo yêu cầu đặc thù của địa phương.

. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng, bao gồm hình thức trực tuyến, trực tiếp và kết hợp trực tuyến và trực tiếp đối với các đối tượng do địa phương quản lý. Thời gian tập huấn do các cơ quan chủ trì quyết định phù hợp với đối tượng, nội dung tập huấn; đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức.

- Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức các chương trình, sự kiện có lồng ghép hoạt động thông tin đối ngoại với các hoạt động giao lưu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, văn hóa của các tỉnh đến nhân dân trong nước và quốc tế.

+ Tổ chức các hình thức tuyên truyền đối ngoại phù hợp nhân các dịp kỷ niệm, các sự kiện quan trọng giữa Việt Nam với các quốc gia có liên quan đến DTTS trên địa bàn tỉnh.

\* Công tác kế hoạch và quản lý, khai thác nguồn lực thực hiện nhiệm vụ

- Các địa phương thuộc phạm vi được phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b mục 1.2, Phụ lục số X ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, cả giai đoạn và hàng năm, gửi Sở TTTT rà soát, tổng hợp báo cáo Bộ TTTT.

 - Biểu mẫu lập kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo văn bản này.

- Thời gian gửi kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về Sở TTTT trước ngày 01 tháng 7 hàng năm để Sở TTTT tổng hợp, báo cáo Bộ TTTT và các cơ quan chủ trì chương trình theo quy định.

**1.2.4. Phân công thực hiện**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí theo Quyết định số 45/QĐ-TTg; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện nội dung Đầu tư cho Đài Phát thanh và Truyền hình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã để triển khai, thục hiện theo chức năng, nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**1.3. Nội dung số 03: Tăng cuờng, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.**

**1.3.1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm a (Nội dung số 03), khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**1.3.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**1.3.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo điểm a (nội dung số 03) khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Điều 57, Tiểu mục 10.1, Mục 10, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chínhvà theo nội dung Công văn số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 của Bộ Tư pháp.

**1.3.4. Phân công thực hiện**

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số.**

**2.1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm b, khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**2.2. Phạm vi địa bàn:** các xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cơ quan thường trực Chương trình các cấp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**2.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo điểm b, khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 82 và 83 Chương IX Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 58, Tiểu mục 10.2, Mục 10, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính; các văn bản của Bộ Thông tin và truyền thông, Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì thực hiện (hiện nay chưa ban hành văn bản hướng dẫn).

**2.4. Phân công thực hiện:**

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án (trừ nhiệm vụ do Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì thực hiện). Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.**

**3.1. Đối tượng:** Áp dụng theo điểm c, khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**3.2. Phạm vi địa bàn:** Vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**3.3. Nội dung và cách thức thực hiện:** Chi tiết thực hiện theo điểm c, khoản 10 mục IIIthuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; và Điều 3, 4, 5, 6, 7 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc; Điều 59, Tiểu mục 10.3, Mục 10, Chương II Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài Chính.

**3.4. Phân công thực hiện:**

- Ban Dân tộc

+ Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình;

+ Tổng hợp chung kết quả giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan theo quy định;

+ Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện Công tác giám sát, đánh giá theo quy định.

- Các sở ngành cấp tỉnh (chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần cấp tỉnh):

+ Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai công tác giám sát, đánh giá theo chức năng và phạm vi quản lý;

+ Tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do Sở, ngành quản lý gửi báo cáo cho Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan theo chức năng và phạm vi quản lý.

**-** Ủy ban nhân dân cấp huyện (đầu mối đơn vị phụ trách thường trực tham mưu thực hiện Chương trình), các phòng ban cấp huyện (chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần cấp huyện), Ủy ban nhân dân cấp xã (đầu mối là ban quản lý xã) xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá cập nhật số liệu và báo cáo các dự án, hoạt động cụ thể theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn chi tiết (nếu có) của cơ quan chủ quản cấp trên theo chức năng và phạm vi quản lý

**Phần thứ ba**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban Dân tộc**

- Cơ quan thường trực, làm đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 và hằng năm. Tham mưu ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh theo đúng thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh việc xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh về kết quả thực hiện.

- Chủ trì thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần theo phân công tại phần thứ hai của Hướng dẫn này và Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, tham mưu Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh.

- Phối hợp Sở Tài chính thông báo nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và cân đối nguồn vốn đối ứng cho chương trình theo quy định. Đồng thời, phối hợp đề xuất giải pháp, hướng dẫn triển khai lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Chương trình.

**3. Sở Tài chính:** Phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương; đồng thời, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình.

**4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế, Nội vụ, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Đài phát Thanh và Truyền hình.**

- Chủ trì thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần theo phân công tại phần thứ hai của Hướng dẫn này và Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nghiên cứu, lồng nghép, xây dựng dự án, dự toán thực hiện Chương trình với các Chương trình, dự án khác do sở, ngành, đơn vị được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

- Phối hợp tham mưu xây dựng và hướng dẫn cơ chế quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình theo chức năng, cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà nước, chức năng của hội đoàn thể. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử sụng vốn được giao gửi về Ban dân tộc để tổng hợp.

**5. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung dự án liên quan đến cho vay vốn tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP.

- Phối hợp tham mưu xây dựng và hướng dẫn cơ chế quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình theo chức năng ngành giao quản lý nhà nước. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử sụng vốn được giao gửi về Ban dân tộc để tổng hợp.

**6. Các Sở, ngành có liên quan khác**

- Căn cứ chức ngăng, nhiệm vụ, phân công của Ban Chỉ đạo tỉnh, hướng dẫn thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý, phối hợp chặt chẽ với Ban Dân tộc trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình.

**-** Nghiên cứu, lồng nghép, xây dựng dự án, dự toán thực hiện Chương trình với các Chương trình, dự án khác do sở, ngành, đơn vị được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

- Phối hợp tham mưu xây dựng và hướng dẫn cơ chế quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình theo chức năng ngành giao quản lý nhà nước.

**7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Giao cơ quan thường trực Chương trình cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn cấp huyện.

- Trên cơ sở hướng dẫn và các văn bản có liên quan đến quản lý Chương trình của trung ương, của tỉnh triển khai đến các phòng, ban, đơn vị cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện theo từng dự án và nội dung thành phần của dự án.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trong tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

- Phân công, giao nhiêm vụ cụ thể cho các phòng, ban chuyên môn hỗ trợ, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

- Phối hợp chặt chễ với Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh triển khai thực hiện đạt hiệu quả mục tiêu của Chương trình đã đề ra; huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn; đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình tràng đầu tư dàn trải, trùng lặp, tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản khi kết thút giai đoạn của Chương trình.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động, kiểm tra, giám sát, đánh giá và thực hiện chế dộ báo cáo về tiến độ thực hiện, kết quả, việc thanh quyết toán nguồn vốn hằng năm gửi Ban Dân tộc theo quy định.

**8.** **Ủy ban nhân dân cấp xã.**

- Giao nhiêm vụ cụ thể cho cho các bộ phận chuyên môn, tổ chức đoàn thể của xã triển khai xây dựng kế hoạch, dự án, dự toán thực hiện Chương trình theo đúng quy định và hướng dẫn.

- Tỏ chưc phổ biến, tuyên truyền các chính sách, quy định của Chương trình đến cộng đồng dân cư, người dân.

- Huy động nguồn lực của cộng đồng dân cư và người dân để thực hiện các dự án nội dung thành phần dự án tại địa phương.

- Thành lập Ban Quản lý xã; Ban phát triển ấp, khóm; tổ công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng và ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, chế dộ báo cáo về tiến độ kết quả thanh quyết toán nguồn vốn hằng năm gửi về cơ quan chuyên môn cấp huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, phản ánh gửi về Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Dân tộc;- Vụ Công tác dân tộc Địa phương (UBDT);- CT và các PCT.UBND tỉnh;- Các sở, ban ngành tỉnh;- CA, BCHQS, BCHBĐBP tỉnh; - UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;- Báo ST, Đài PTTH tỉnh;- Liên minh Hợp tác xã tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Lưu: VT. |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |

**MẪU SỐ 01**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh)*

 UBND XÃ………..…. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ẤP ……… Độc lập – Tự do – Hạn phúc**

 *………….. (tên Ấp), ngày…… tháng ….. năm ….*

**BIÊN BẢN HỌP ẤP**

**V/v thống nhất kết quả rà soát, đề xuất danh sách đối tượng hộ gia đình/cá nhân được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán, năm …….**

(thuộc Dự án 1, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Hôm nay, ngày .....tháng ..….... năm 20…..tại ấp …………………………........ (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) đã tổ chức cuộc họp thống nhất kết quả rà soát, đề xuấtdanh sách đối tượng hộ gia đình được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn ấp.

**I. Thành phần cuộc họp**

- Chủ trì: Ông (bà) , Chức vụ: Trưởng ấp.

- Đại diện Lãnh đạo UBND cấp xã:

Ông (bà) , Chức vụ:

- Công chức cấp xã:

Ông (bà) , Chức vụ:

- Đại diện Ủy ban MTTQVN cấp xã:

Ông (bà) , Chức vụ:

- Bí thư Chi bộ ấp: Ông (bà)

- Đại diện đoàn thể trong ấp:

Ông (bà) , Chức vụ:

Ông (bà) , Chức vụ:

Ông (bà) , Chức vụ:

Ông (bà) , Chức vụ:

- Thư ký cuộc họp:

Ông (bà) , Chức vụ:

**1. Nội dung cuộc họp:**

**-** Cuộc họp đã nghe ông (bà)...............................; Chức vụ:...................................phổ biến tiêu chí quy định đối tượng hộ gia đình được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán, năm ............ thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Lấy ý kiến thành viên dự họp về kết quả rà soát, đề xuất danh sách đối tượng hộ gia đình/cá nhân được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán, **năm ............thuộc Dự án 1,** Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**2. Kết quả cuộc họp:** Các thành viên dự họp thống nhất kết quả rà soát, đề xuất danh sách đối tượng hộ gia đình/cá nhân được hỗ trợ chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán trên địa bàn ấp ........., năm ............ thuộc Dự án 1; Cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ đất ở: ......... hộ;

+ Hỗ trợ nhà ở: ....... hộ;

+ Hỗ trợ đất sản xuất: ........... hộ;

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: ...........hộ;

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: .......... hộ.

*(Danh sách chi tiết tại Phụ lục I, I.a).*

- Các ý kiến khác:

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Cuộc họp kết thúc vào lúc ...... giờ … phút cùng ngày. Đại diện các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại ấp, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân xã./.

**THÀNH PHẦN THAM DỰ XÁC NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các đoàn thể

Công chức cấp xã

Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã

Đại diện Lãnh đạo UBND cấp xã

Chủ trì cuộc họp

TrưởngBND ấp

Đại diện của các hộ nghèo

Bí thư Chi bộ ấp

Thư ký

**Phụ lục số I *(Mẫu dùng cho ấp, xã)***

**BIỂU TỔNG HỢP**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**Đề xuất danh sách hộ gia đình được hỗ trợ chính sách đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán**

**Năm 2022**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** **chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Quyết định phê duyệt hộ nghèo** | **Nội dung hỗ trợ** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng** | **Ghi chú** |
| **Đất ở** | **Nhà ở** | **Đất sản xuất** | **Chuyển đổi nghề** | **Nước sinh hoạt phân tán** |
| **Xây mới** | **Sửa chửa** | **Mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ SXNN, làm các ngành nghề khác** | **Hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 ***\*Lưu ý:***

1. Nội dung hỗ trợ (từ cột 7 đến cột 14): Đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

2. Việc xác định danh sách hộ đăng ký hỗ trợ đất ở (cột 7) phải gắn với hỗ trợ nhà ở (cột 8 hoặc 9).

3. Việc xác định danh sách hộ đăng ký hỗ trợ nhà ở chọn phương thức thực hiện (cột 8 hoặc 9). Đồng thời ghi thêm tại ghi chú (cột 15): (a) hộ chưa có nhà ở hoặc (b) có nhà ở bị dột nát, hư hỏng.

4. Hỗ trợ đất sản xuất (cột 10) và chuyển đổi nghề: Chỉ được chọn 1 trong 2 hình thức. Nếu chọn chuyển đổi nghề tiếp tục chọn phương thức thực hiện cột 11 (nội dung mua sắm, làm các ngành nghề khác nêu cụ thể) hoặc cột 12 (nêu cụ thể nội dung học nghề gì):

5. Đối với hộ đăng ký hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (cột 13), tiếp tục rà soát, xác định phương thức thực hiện hỗ trợ theo Phụ lục I.a.

6. Vay vốn tín dụng từ Ngân hàng CSXH (cột 14): Thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội (sau khi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách).

7. Ghi chú tại cột (15): Ghi đối tượng theo thứ tự ưu tiên như sau: (a) Hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (b) Hộ nghèo dân tộc thiểu số có phụ nữ làm chủ hộ; (c) Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật); (d) Hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn; (đ) Hộ nghèo có đông nhân khẩu, (e) Các hộ nghèo thuộc đối tượng thụ hưởng còn lại.

*Ấp….., ngày…….tháng ……năm 20…* **Thư ký/Người lập TRƯỞNG BND ẤP/UBND xã…**

*(Ký , hộ và tên) (Ký , hộ và tên)*

**Phụ lục I.a *(Mẫu dùng cho ấp, xã)***

**BIỂU TỔNG HỢP**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**Đề xuất danh sách hộ gia đình được hỗ trợ chính sách nước sinh hoạt phân tán**

 **(Chọn Phương thức thực hiện hỗ trợ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Quyết định phê duyệt hộ nghèo** | **Phương thức thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán** | **Ghi chú** |
| **Đào giếng** | **Mua vật dụng dẫn nước, chứa nước (lu, bồn, téc...)** | **Tự làm bể chứa nước** | **Tự tạo nguồn nước** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** | **(11)** |
| 1 |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***\*Lưu ý:***

1. Nội dung (từ cột 7 đến cột 10): Đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

2. Ghi chú tại cột (11): Ghi đối tượng theo thứ tự ưu tiên như sau: (a) Hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (b) Hộ nghèo dân tộc thiểu số có phụ nữ làm chủ hộ; (c) Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật); (d) Hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn; (đ) Hộ nghèo có đông nhân khẩu, (e) Các hộ nghèo thuộc đối tượng thụ hưởng còn lại.

 *….., ngày…….tháng ……năm 20…*

**Thư ký/Người lập TRƯỞNG BND ẤP/UBND XÃ…**

 *(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)*

**Phụ lục II *(Mẫu dùng cho huyện)***

**BIỂU TỔNG HỢP**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM……**

*(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND, ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND………..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị/ Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Quyết định phê duyệt hộ nghèo** | **Nội dung hỗ trợ** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng** | **Ghi chú** |
| **Đất ở** | **Nhà ở** | **Đất sản xuất** | **Chuyển đổi nghề** | **Nước sinh hoạt phân tán** |
| **Xây mới** | **Sửa chửa** | **Mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ SXNN, làm các ngành nghề khác** | **Hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (16) |
| I | Xã... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II | Xã... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**\* Ghi chú:** Phụ lục số II kèm Quyết định phê duyện danh sách đối tượng được hỗ trợ chính sách thuộc Dự án 1.

1. Nội dung hỗ trợ (từ cột 7 đến cột 14): Đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

2. Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ đất ở (cột 7) phải gắn với hỗ trợ nhà ở (cột 8 hoặc cột 9). Chi tiết phụ lục II.a

3. Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ nhà ở (cột 8 hoặc cột 9). Chi tiết phụ lục II.b

4. Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ đất sản xuất (cột 10) và chuyển đổi nghề: Chỉ được chọn 1 trong 2 hình thức. Nếu chọn chuyển đổi nghề tiếp tục chọn phương thức thực hiện cột 11 (nội dung mua sắm, làm các ngành nghề khác nêu cụ thể) hoặc cột 12 (nêu cụ thể nội dung học nghề gì). Chi tiết phụ lục II.c, II.d.

5. Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ sinh hoạt phân tán (cột 11), tiếp tục rà soát, xác định phương thức thực hiện hỗ trợ ). Chi tiết phụ lục II.đ.

6. Vay vốn tín dụng từ Ngân hàng CSXH (cột 14): Thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội *(sau khi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách)*.

7. Cột Ghi chú: Ghi đối tượng theo thứ tự ưu tiên như sau: (a) Hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (b) Hộ nghèo dân tộc thiểu số có phụ nữ làm chủ hộ; (c) Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật); (d) Hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn; (đ) Hộ nghèo có đông nhân khẩu, (e) Các hộ nghèo thuộc đối tượng thụ hưởng còn lại.

**Phụ lục II.a**

**BIỂU CHI TIẾT**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẤT Ở THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

 **NĂM……**

*(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND, ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND………..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị/ Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Diện tích đất ở được giao****(m2)** | **Diện tích đất ở chuyển nhượng****(m2)** | **Ngân sách hỗ trợ kinh phí** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng (trđ)** | **Thành viên đại diện vay vốn của hộ**  |
| **Ngân sách TW (trđ)** | **Ngân sách địa phương (trđ)** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| **I** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn A |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 2 |  Lê Thị B |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 3 | ………  |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| **II** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn C |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 2 |  Vũ Thị D |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 3 |  ….. |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |

 *Lưu ý: các cột 6,7,8,9,10,11 được lập phù hợp với thực tế tại địa phương và phù hợp với từng hộ gia đình*

 **Phụ lục II.b**

**BIỂU CHI TIẾT**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

 **NĂM……**

 *(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND, ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND………..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị/ Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Nhà ở** | **Ngân sách hỗ trợ kinh phí** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng (trđ)** | **Thành viên đại diện vay vốn của hộ** |
| **Xây mới** | **Sửa chửa** | **Ngân sách TW (trđ)** | **Ngân sách địa phương (trđ)** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| **I** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn A |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 2 |  Lê Thị B |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 3 | ………  |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| **II** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn C |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 2 |  Vũ Thị D |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
| 3 |  ….. |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |   |   |  |

 *Lưu ý: các cột 6,7,8,9,10 được lập phù hợp với thực tế tại địa phương và phù hợp với từng hộ gia đình*

**Phụ lục II.c**

**BIỂU CHI TIẾT**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

 **NĂM……**

 *(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND, ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND………..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị/ Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Diện tích đất sản xuất được giao****(m2)** | **Ngân sách TW (trđ)** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng (trđ)** | **Thành viên đại diện vay vốn của hộ** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| **I** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn A |   |   |  |  |  |   |  |
| 2 |  Lê Thị B |   |   |  |  |  |   |  |
| 3 | ………  |   |   |  |  |  |   |  |
| **II** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn C |   |   |  |  |  |   |  |
| 2 |  Vũ Thị D |   |   |  |  |  |   |  |
| 3 |  ….. |   |   |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |   |  |

 *Lưu ý: các cột 6,7,8,9 được lập phù hợp với thực tế tại địa phương và phù hợp với từng hộ gia đình*

**Phụ lục II.d**

 **BIỂU CHI TIẾT**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, HỌC NGHỀ ĐỂ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

 **NĂM……**

*(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND, ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND………..)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị/ Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Phương thức thực hiện hỗ trợ** | **Ngân sách TW (trđ)** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng (trđ)** | **Thành viên đại diện vay vốn của hộ** |
| **Mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ SXNN, làm các ngành nghề khác** | **Hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **I** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |  |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn A |   |   |  |  |  |  |   |  |
| 2 |  Lê Thị B |   |   |  |  |  |  |   |  |
| 3 | ………  |   |   |  |  |  |  |   |  |
| **II** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |  |   |  |
| 1 |  Nguyễn Văn C |   |   |  |  |  |  |   |  |
| 2 |  Vũ Thị D |   |   |  |  |  |  |   |  |
| 3 |  ….. |   |   |  |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |  |   |  |
|  |   |   |   |  |  |  |  |   |  |

 *Lưu ý: các cột 6,7,8,9,10 được lập phù hợp với thực tế tại địa phương và phù hợp với từng hộ gia đình*

**Phụ lục II.đ**

 **BIỂU CHI TIẾT**

 *(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UBND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTg NGÀY 14/10/2021**

 **CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**NĂM……**

*(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND, ngày tháng năm 20 của Chủ tịch UBND………..)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị/ Họ và tên chủ hộ** | **Năm sinh** | **Địa chỉ** | **Dân tộc** | **Phương thức thực hiện hỗ trợ** | **Ngân sách TW (trđ)** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **I** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |
| 1 |  Nguyễn Văn A |   |   |  |  |  |
| 2 |  Lê Thị B |   |   |  |  |  |
| 3 | ………  |   |   |  |  |  |
| **II** | **Xã…..** |   |   |  |  |  |
| 1 |  Nguyễn Văn C |   |   |  |  |  |
| 2 |  Vũ Thị D |   |   |  |  |  |
| 3 |  ….. |   |   |  |  |  |
|  |   |   |   |  |  |  |
|  |   |   |   |  |  |  |
|  |   |   |   |  |  |  |
|  |   |   |   |  |  |  |
|  |   |   |   |  |  |  |

 *Lưu ý: các cột 6,7,8,9 được lập phù hợp với thực tế tại địa phương và phù hợp với từng hộ gia đình*

**MẪU SỐ 02**

*(Kèm theo Hướng dẫn số ...../HD-UNND ngày ..../10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

**UBND HUYỆN.......**

**BÁO CÁO HÀNG THÁNG**

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theoChương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Tháng ..năm

**I. Về số liệu thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Kết quả thực hiện trong tháng** | **Lũy kế thực hiện từ đầu Chương trình** | **Kế hoạch tháng tiếp theo** | **Ghi chú** |
| 1 | Hộ xây mới nhà ở | hộ |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo dân thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo dân tộc thiểu số không thuộc quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai (vùng dân tộc thiểu số) | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo có đông nhân khẩu | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo còn lại | hộ |  |  |  |  |
| 2 | Hộ sửa chữa nhà ở | hộ |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo dân thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo dân tộc thiểu số không thuộc quy định tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai (vùng dân tộc thiểu số) | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo có đông nhân khẩu | hộ |  |  |  |  |
|  | - Hộ nghèo còn lại | hộ |  |  |  |  |
| 3 | Tổng số vốn huy động | triệu đồng |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
|  | - Ngân sách Trung ương | triệu đồng |  |  |  |  |
|  | - Ngân sách địa phương | triệu đồng |  |  |  |  |
|  | - Vốn huy động hợp pháp khác | triệu đồng |  |  |  |  |
| 4 | Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ | triệu đồng |  |  |  |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
|  | - Ngân sách Trung ương | triệu đồng |  |  |  |  |
|  | - Ngân sách địa phương | triệu đồng |  |  |  |  |
|  | - Vốn huy động hợp pháp khác | triệu đồng |  |  |  |  |

**II. Về khó khăn, vướng mắc**

**III. Kiến nghị (nếu có)**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP***(Họ tên, số điện thoại, email)* | **TM. UBND HUYỆN** **CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu đơn kham khảo**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

———

 ……., ngày…tháng…năm…

**ĐƠN XIN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, NHÀ Ở**

**THUỘC DỰ ÁN 1 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1719/QĐ-TTG**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11, Mục 1, 2, 3 và 4 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

 Kính gửi: UBND (xã/phường/thị trấn)……..

Tôi tên là:……… Sinh ngày:………/……..…./………; Dân tộc:…………

Số CMND/ CCCD:…… Ngày cấp……Nơi cấp……

Địa chỉ thường trú:………

Số sổ hộ khẩu:……Ngày cấp…….Nơi cấp……

Số giấy chứng nhận hộ nghèo:…….Ngày cấp….Nơi cấp…

Là hộ nghèo, đang cư trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm năm ….

Hộ chưa có đất ở, nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở.

Hộ không thuộc diện đối tượng chưa được hỗ trợ đất ở, nhà ở theo các chính sách hỗ trợ nhà ở khác của Thủ tướng Chính phủ (hoặc đã được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 nhưng đến nay đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở…).

Đối chiếu hoàn cảnh của tôi với các quy định được nêu tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 02/2022/TT-UBDT, đã đủ điều kiện được hỗ trợ đất ở, nhà ở. Vì vậy, tôi làm đơn này để xin quý cơ quan đáp ứng một số nguyện vọng sau đây: Mong UBND các cấp, xem xét hỗ trợ đất ở và nhà ở cho gia đình tôi để gia đình tôi có nhà ở, ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo.

Tôi rất mong UBND các cấp quan tân xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

 Người làm đơn

                                                                   (Ký và ghi rõ họ tên)